

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TRÀ MY  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Thị Hồng Chi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Dur Văn Khôi và ông Hồ Văn Quảng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hoài My, Kiểm sát viên.

Ngày tháng năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Hồ Thị T, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989. (vắng mặt lần thứ hai)

Địa chỉ: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Hồng N. Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản số 121/QĐ-NHCS ngày 12/9/2018 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn S xây dựng gia đình vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện

B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 12/3/2018. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh S không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi, đi đâu, làm gì chị T không biết. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S để mỗi người có cuộc sống riêng tốt hơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng Hương T, sinh ngày 18/9/2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con và không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam số tiền 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Hồng N trình bày: ngày 12/6/2018, chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn S có làm đơn đề nghị vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam với số tiền là 50.000.000 đồng, theo hồ sơ vay vốn số 6600000713049059. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, mục đích vay vốn: trồng keo. Nay anh S và chị T ly hôn thì đề nghị Tòa án xác định người phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn S được ly hôn; giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng Hương T, sinh ngày 18/9/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của các con. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung cần chấp nhận theo thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể là: giao cho anh S phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là 42.000.000 đồng tiền vay gốc cùng với lãi phát sinh tương ứng theo hợp đồng vay. Còn chị T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 8.000.000 đồng tiền vay gốc cùng với lãi phát sinh tương ứng theo hợp đồng vay.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn S tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 12/3/2018. Ngày 07/12/2020, nguyên đơn chị Hồ Thị T nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn S, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28, điều 186, điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn S kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh S không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi, đi đâu, làm gì chị T đều không biết. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân xác định anh S có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn trong gia đình xảy ra. Hiện nay, anh S thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị T đối với anh Nguyễn Văn S là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng Hương T, sinh ngày 18/9/2016. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng Trà M và Nguyễn Hoàng Hương T hiện đang sống với chị T, cháu M, cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn anh S thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Hơn nữa, anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, cần giao cháu M và cháu T cho chị T tiếp tục nuôi tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo quy định tại điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: ngày 12/6/2018, chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn S có làm đơn đề nghị vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam với số tiền là 50.000.000 đồng, theo hồ sơ vay vốn số 6600000713049059. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, mục đích vay vốn: trồng keo.

Tại phiên tòa ngày 04 tháng 6 năm 2021 chị T thống nhất vợ chồng chị có vay số tiền 50.000.000 đồng tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B vào năm 2018. Tuy nhiên, sau khi được Ngân hàng giải ngân thì anh S đã sử dụng 34.000.000 đồng để trả nợ riêng của anh S trước khi kết hôn với chị T. Số tiền còn lại là 16.000.000 đồng hai vợ chồng chi phí chung trong gia đình nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bắc Trà My số tiền nợ riêng của anh S là 34.000.000 đồng, đồng thời phải có trách nhiệm trả số tiền vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 8.000.000 đồng. Tổng cộng anh S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là 42.000.000 đồng cùng với lãi phát sinh tương ứng theo hợp đồng vay. Còn chị chỉ có trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 8.000.000 đồng cùng với lãi phát sinh tương ứng theo hợp đồng.

Tại phiên tòa anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị T đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cho chị gặp anh S làm rõ trách nhiệm trả nợ này.

Trong đơn xác nhận của anh S và chị T được Tòa án nhân dân huyện B nhận ngày 08 tháng 6 năm 2021, anh S thống nhất trả số tiền 34.000.000 đồng là tiền nợ riêng của anh trước thời kỳ hôn nhân và 8.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tổng cộng là 42.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh tương ứng theo sổ vay vốn số 6600000713049059.

Xét thấy việc thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: chị Hồ Thị T thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 theo quy định của Chính phủ nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, 186, 188 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân

và gia đình; điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T, sinh năm 1995 được ly hôn với anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 12/3/2018 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng Hương T, sinh ngày 18/9/2016. Giao cháu M và cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam số tiền vay gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng theo sổ vay vốn số 6600000713049059.

Giao cho chị Hồ Thị T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam số tiền vay gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng theo sổ vay vốn số 6600000713049059.

Về án phí: chị Hồ Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/6/2021). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Hồng Chi**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dư Văn Khôi    Hồ Văn Quảng**

**Phạm Thị Hồng Chi**



